

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 60/2020/HS-ST.

Ngày: 11/8/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Bảy và ông Trịnh Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Thông báo hoãn phiên tòa hình sự số: 08/2020/TB-TA, ngày 27/7/2020, đối với bị cáo:

Trần Cúc D (tên gọi khác: V), sinh năm 1994 tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Khu phố 9, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Lao động biển; Trình độ học vấn: 5/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Phi T, sinh năm 1969 và bà Trần Thị M, sinh năm 1968;

Có vợ tên: Lê Như K, sinh năm 1994; Có 01 người con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không;

Hoạt động bản thân:

- Ngày 18/12/2013, bị Chủ tịch UBND thị xã L áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 12 tháng do có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đến ngày 03/12/2014 chấp hành xong;

- Ngày 26/3/2015, bị Công an thị xã L xử phạt hành chính 750.000 đồng do có hành vi “Cố ý gây thương tích”;

- Ngày 28/7/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 48/2017/HSST, đến ngày 28/01/2018 chấp hành xong bản án.

- Ngày 23/6/2020, bị Công an thị xã L xử phạt 1.500.000 đồng do có hành vi “Trộm cắp tài sản” trị giá dưới 2.000.000 đồng vào ngày 01/5/2020

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/5/2020 tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã L; (Có mặt)

* **Bị hại:** Vợ chồng: bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970 và ông Đỗ Thành N, sinh năm 1972 - Nơi cư trú: Khu phố 9, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; (Vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Sử Khắc Duy N, sinh năm 1985 - Nơi cư trú: Thôn Tân Lý 2, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 22/02/2020, bị cáo Trần Cúc D cầm theo 01 cây kéo rồi đi bộ trong khu vực khu phố 9, phường Bình Tân, thị xã L với mục đích lợi dụng sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Khi đến nhà vợ chồng bà Nguyễn Thị C – ông Đỗ Thành N, bị cáo D thấy phía trước nhà có dựng 01 xe mô tô biển số 86H6 - 2764 không có người trông coi nên bị cáo đi đến dùng kéo mở khóa rồi điều khiển xe chạy đến thôn Tân Lý 2, xã Tân Bình, thị xã L để chơi game bắn cá. Do chơi thua hết tiền nên bị cáo D cầm cố chiếc xe mô tô vừa chiếm đoạt được cho ông Sử Khắc Duy N với số tiền 1.000.000 đồng để lấy tiền tiêu xài.

*Theo Kết luận định giá tài sản số: 21/KL - ĐGTS ngày 10/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã La Gi thể hiện: 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Ultimo, màu đen đỏ (trắng), dung tích 113, biển kiểm soát 86H6 - 2764, đã qua sử dụng, còn hoạt động, có giá trị là: **2.000.000 đồng**.

Về vật chứng vụ án: Là 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Ultimo, màu đen đỏ (trắng), biển kiểm soát 86H6 - 2764 đã được Cơ quan CSĐT – Công an thị xã L trả lại cho bị hại Nguyễn Thị C theo biên bản ngày 14/4/2020.

Về dân sự: Vợ chồng bà Nguyễn Thị C – ông Đỗ Thành N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự; ông Sử Khắc Duy N không yêu cầu bị cáo D hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân của bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng số: 62/CT-VKS ngày 30/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Trần Cúc D, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Tuyên bố: Bị cáo Trần Cúc D, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

*Xử phạt bị cáo Trần Cúc D từ 18 đến 24 tháng tù; Tịch thu sung quỹ Nhà Nước đối với số tiền 1.000.000 đồng.

- **Ý kiến của bị cáo Trần Cúc D:** Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

* **Bị cáo Trần Cúc D nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bị hại vợ chồng bà Nguyễn Thị C – ông Đỗ Thành N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Sử Khắc Duy N.

Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt bị hại vợ chồng bà Nguyễn Thị C – ông Đỗ Thành N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Sử Khắc Duy N không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy, lời khai của bị cáo Trần Cúc D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử kết luận: Vào khoảng 01 giờ ngày 22/02/2020, tại phía trước nhà của vợ chồng bà Nguyễn Thị C – ông Đỗ Thành N thuộc khu phố 9, phường Bình Tân, thị xã L, bị cáo Trần Cúc D đã lén lút dùng kéo phá khóa để chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 86H6 – 2764 trị giá 2.000.000 đồng của vợ chồng bà C – ông N. Sau đó, do cần tiền tiêu xài nên bị cáo D cầm cố chiếc xe mô tô vừa chiếm đoạt được cho ông Sử Khắc Duy N với số tiền 1.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...”. Do đó, hành vi của các bị cáo Trần Cúc D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Trần Cúc D về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Trần Cúc D đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, do đó hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương và nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Cúc D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức được “Trộm cắp tài sản” của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích bản thân, bị cáo bất chấp. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo lao động, học tập, giáo dục trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong.

[8] Về dân sự: Vợ chồng bà Nguyễn Thị C – ông Đỗ Thành N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự; Ông Sử Khắc Duy N không yêu cầu bị cáo D hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Cúc D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Cúc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Cúc D 18 (mười tám) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/5/2020.

Về án phí: Bị cáo Trần Cúc D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Cúc D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**11/8/2020**). Riêng vợ chồng bà Nguyễn Thị C – ông Đỗ Thành N và ông Sử Khắc Duy N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn

